

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/KDTM-ST**

Ngày: 11/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2020/TLST-KDTM ngày 02/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-KDTM ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công ty K); địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc V – chức vụ: Nhân viên (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công Ty TNHH T (Gọi tắt là Công ty Xây Dựng T); địa chỉ: phường Đ, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quốc V – chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K do ông Đoàn Văn T đại diện trình bày:*

Ngày 05/9/2018, Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công ty K) ký hợp đồng mua bán số 0509/HĐMB2018 với Công Ty TNHH T (Gọi tắt là Công ty Xây Dựng T) về việc cung

cấp bê tông trộn sẵn cho công trình của Công ty Xây Dựng T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty Xây Dựng T. Tuy nhiên, Công ty Xây Dựng T không thanh toán giá trị hợp đồng đúng theo thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng. Ngày 31/10/2019, hai bên có biên bản xác nhận công nợ của hợp đồng mua bán số 0509/HĐMB2018, tổng giá trị công nợ là 915.518.147 đồng. Công ty Xây Dựng T chỉ thanh toán được một phần số nợ gốc. Số tiền nợ gốc mà Công ty Xây Dựng T còn phải thanh toán cho Công ty K là 845.517.863 đồng. Mặc dù Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty Xây Dựng T phải thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty Xây Dựng T vẫn không thanh toán nên Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty Xây Dựng T phải thanh toán số tiền nợ gốc cho Công ty K là 845.517.863 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là $845.517.863 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 175 \text{ ngày} = 73.982.813 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền là 919.500.676 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Đặng Quốc V đại diện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 20.546.085 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 845.517.863 đồng và số tiền lãi là 53.436.728 đồng ($845.517.863 \text{ đồng} \times 0,02\%/\text{ngày} \times 316 \text{ ngày}$, tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 11/9/2020), tổng cộng số tiền là 898.954.591 đồng. Bị đơn Công Ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về tố tụng: Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty TNHH T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công ty K) khởi kiện bị đơn Công Ty TNHH T (Gọi tắt là Công ty Xây Dựng T) tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, căn cứ thỏa thuận tại Khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng mua bán số

0509/HĐMB2018 ngày 05/9/2018, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Theo Công văn số 6548/ĐKKD ngày 26/8/2020 và Phiếu cung cấp thông tin ngày 04/9/2020 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố H về việc cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty Xây Dựng T thể hiện: Công Ty TNHH T được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303251443, đăng ký lần đầu ngày 08/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/5/2020, có địa chỉ trụ sở tại phường Đ, quận 1, Thành Phố H. Hiện nay, Công ty Xây Dựng T chưa đăng ký giải thể. Xét thấy, bị đơn Công ty Xây Dựng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi có trụ sở của bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty Xây Dựng T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Đặng Quốc V đại diện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 20.546.085 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Giữa Công Ty Cổ Phần K và Công ty Xây Dựng T có ký Hợp đồng mua bán số 0509/HĐMB2018 ngày 05/9/2018 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình của Công ty Xây Dựng T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng yêu cầu của Công ty Xây Dựng T. Ngày 31/10/2019, hai bên có ký biên bản xác nhận công nợ bê tông, tổng giá trị công nợ là 915.518.147 đồng. Công ty Xây Dựng T chỉ thanh toán được một phần số nợ gốc, còn nợ lại số tiền là 845.517.863 đồng. Do Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty Xây Dựng T phải thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty Xây Dựng T vẫn không thanh toán nên Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty Xây Dựng T phải thanh toán tiền nợ gốc cho Công ty K là 845.517.863 đồng. Xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 0509/HĐMB2018 ngày 05/9/2018, biên bản xác nhận công nợ bê tông ngày 31/10/2019 do Công ty K xuất trình, có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật và có đóng dấu của Công ty Xây Dựng T, có đủ cơ sở xác định Công ty Xây Dựng T còn nợ Công ty K số tiền là 845.517.863 đồng. Đã quá thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán hết công nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều

55 của Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện Công ty K yêu cầu Công ty Xây Dựng T thanh toán số tiền lãi là 53.436.728 đồng (845.517.863 đồng x 0,02%/ngày x 316 ngày, tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 11/9/2020). Xét thấy, căn cứ thỏa thuận tại Khoản 2.1 và Khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng số 0509/HĐMB2018 ngày 05/9/2018 thì các bên thỏa thuận mức lãi suất là 0,02%/ngày nên yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, và Điều 306 của Luật thương mại;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty TNHH T về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 20.546.085 đồng.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công Ty TNHH T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty Cổ Phần K số tiền nợ gốc là 845.517.863 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 53.436.728 đồng. Tổng cộng số tiền là 898.954.591 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Công Ty Cổ Phần K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công Ty TNHH T chậm thi hành án, thì hàng tháng Công Ty TNHH T còn phải trả cho Công Ty Cổ Phần K tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công Ty TNHH T phải chịu số tiền là 38.968.638 đồng.

- Hoàn trả cho Công Ty Cổ Phần K số tiền 19.793.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0041892 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền

